

**CÔNG TY TNHH NGUYỄN NGỌC SKY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NGUYỄN NGỌC SKY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101618343

**3. Ngày thành lập:** 28/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

87/21 đường 1/5, Phường Đồng Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0901321469

Fax:

Email: [anvienan@gmail.com](mailto:anvienan@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330                                                         |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4390                                                         |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4632                                                         |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663                                                         |
| 5.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6820                                                         |
| 6.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình, Thiết kế quy hoạch công trình, quản lý dự án, giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc và kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. Khảo sát địa hình, địa chất công trình xây dựng. Tư vấn lập dự án đầu tư, lập dự toán, lập tổng dự toán công trình; Tư vấn quản lý dự án các công trình xây dựng | 7110(Chính)                                                  |
| 7.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4722                                                         |
| 8.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4101                                                         |
| 9.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4102                                                         |
| 10. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4212                                                         |
| 11. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4221                                                         |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4222                                                         |
| 13. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4229                                                         |
| 14. | Xây dựng công trình thủy<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4291                                                         |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4299                                                         |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4311                                                         |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Đào đắp, san ủi mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312                                                         |
| 18. | (* Lưu ý: Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ và duy trì điều kiện đầu tư kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN NGỌC VŨ  | Việt Nam  | 87/21 đường 1/5, Phường Đồng Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam  | 9.801.000.000         | 99,000    | 052073026066                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN NGỌC TÂM | Việt Nam  | Tổ 24, Khu phố 5, Phường Đồng Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam | 99.000.000            | 1,000     | 052084020018                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC VŨ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/10/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052073026066

Ngày cấp: 21/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 87/21 đường 1/5, Phường Đồng Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 87/21 đường 1/5, Phường Đồng Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định